

b) Điều khiển xe bánh xích tham gia giao thông không có giấy phép lưu hành hoặc có giấy phép lưu hành nhưng không còn giá trị sử dụng theo quy định hoặc lưu thông trực tiếp trên đường mà không thực hiện biện pháp bảo vệ đường theo quy định;

c) Điều khiển xe có kích thước bao ngoài vượt quá khổ giới hạn của đường bộ hoặc chở hàng vượt khổ giới hạn của đường bộ hoặc chở hàng vượt quá kích thước giới hạn xếp hàng hóa của xe tham gia giao thông, trừ trường hợp có giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng;

d) Điều khiển xe có kích thước bao ngoài vượt quá kích thước giới hạn cho phép của xe theo quy định, trừ trường hợp có giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng.

4. Phạt tiền từ 13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe, người được chở trên xe) vượt quá tải trọng cho phép của đường bộ trên 20% đến 50%, trừ trường hợp có giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng;

b) Điều khiển xe có giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe nếu có) vượt quá quy định trong giấy phép lưu hành;

c) Điều khiển xe có giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng đi không đúng tuyến đường quy định trong giấy phép lưu hành.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe, người được chở trên xe) vượt quá tải trọng cho phép của đường bộ trên 50%, trừ trường hợp có giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng;

b) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về trọng tải, tải trọng, khổ giới hạn xe, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng của người thi hành công vụ; chuyển tải hoặc dùng các thủ đoạn khác để trốn tránh việc phát hiện xe chở quá tải, quá khổ.

6. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này nếu gây hư hại cầu, đường còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

7. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị trừ điểm giấy phép lái xe như sau:

a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này còn bị trừ điểm giấy phép lái xe 02 điểm;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều này còn bị trừ điểm giấy phép lái xe 03 điểm;

c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 5 Điều này còn bị trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm;

d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 5 Điều này còn bị trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm.

Điều 35. Xử phạt, trừ điểm giấy phép lái xe đối với người đua xe trái phép, tổ chức đua xe, xúi giục, cổ vũ đua xe trái phép

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm tụ tập để cổ vũ, giúp sức, xúi giục hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định, lạng lách, đánh võng, đuổi nhau trên đường hoặc đua xe trái phép.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm tổ chức đua xe trái phép.

3. Tịch thu phương tiện đối với người điều khiển phương tiện thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đua xe gắn máy, xe đạp máy, xe đạp trái phép trên đường giao thông;

b) Đua xe ô tô, mô tô trái phép trên đường giao thông.

4. Ngoài việc bị tịch thu phương tiện, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tước quyền sử dụng giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng.

Điều 36. Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ thực hiện hành vi vi phạm vận chuyển hành khách, hàng hóa

1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển hàng hóa mà sắp xếp, chằng buộc hàng hoá không bảo đảm an toàn hoặc gây nguy hiểm cho người, phương tiện tham gia giao thông;

b) Vận chuyển hàng hoá trên xe gây cản trở tầm nhìn của người lái xe hoặc che khuất đèn, biển số xe (đối với loại xe có đèn, biển số xe); để rơi hàng hóa xuống đường.

2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Chở hành lý, hàng hóa vượt quá khối lượng cho phép của xe;
- b) Chở hành lý, hàng hóa vượt quá khổ giới hạn cho phép của xe;
- c) Vận chuyển hàng rời, vật liệu xây dựng, phế thải dễ rơi vãi xuống đường hoặc gây ra tiếng ồn, bụi bẩn;
- d) Vận chuyển hàng hoá vượt phía trước, phía sau xe mà không có báo hiệu màu đỏ tại điểm đầu và điểm cuối cùng của hàng hoá khi xe hoạt động ban ngày; vận chuyển hàng hoá vượt phía trước, phía sau xe mà không có đèn hoặc báo hiệu khi xe hoạt động vào ban đêm hoặc khi trời tối.

Điều 37. Xử phạt người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gần biên số nước ngoài

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gần biên số nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Giấy tờ của phương tiện không có bản dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt theo quy định;
- b) Điều khiển xe chở hành khách không có danh sách hành khách theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe tham gia giao thông tại Việt Nam không có văn bản chấp thuận hoặc cấp phép của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định (đối với loại xe tham gia giao thông tại Việt Nam có quy định phải được chấp thuận hoặc cấp phép).

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Điều khiển phương tiện không gắn ký hiệu phân biệt quốc gia theo quy định;
- b) Điều khiển phương tiện không có giấy phép liên vận, giấy phép vận tải đường bộ quốc tế theo quy định hoặc có nhưng đã hết giá trị sử dụng;
- c) Vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa không đúng với quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này.

4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển phương tiện không gắn biển số tạm thời hoặc gắn biển số tạm thời không do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có quy định phải gắn biển số tạm thời);

b) Điều khiển xe ô tô có tay lái bên phải tham gia giao thông mà không đi theo đoàn, không có người, phương tiện hỗ trợ, hướng dẫn giao thông theo quy định.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động quá phạm vi, tuyến đường, đoạn đường được phép hoạt động.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi lưu hành phương tiện trên lãnh thổ Việt Nam quá thời hạn quy định.

7. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2; điểm b, điểm c khoản 3; điểm a khoản 4; khoản 6 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tái xuất phương tiện khỏi Việt Nam.

Điều 38. Xử phạt người điều khiển phương tiện đăng ký hoạt động trong Khu kinh tế thương mại đặc biệt, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập, tái xuất theo quy định;

b) Điều khiển xe không có phù hiệu kiểm soát theo quy định hoặc có nhưng đã hết giá trị sử dụng hoặc sử dụng phù hiệu không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập, tái xuất theo quy định;

b) Điều khiển xe không có phù hiệu kiểm soát theo quy định hoặc có nhưng đã hết giá trị sử dụng hoặc sử dụng phù hiệu không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Tịch thu phương tiện đối với người điều khiển phương tiện tái phạm hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc đưa phương tiện quay trở lại Khu kinh tế thương mại đặc biệt, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế.

5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này bị thu hồi phù hiệu đã hết giá trị sử dụng hoặc phù hiệu không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 39. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về đào tạo, sát hạch lái xe

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với giáo viên dạy lái xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giáo viên dạy thực hành để học viên không có phù hiệu “Học viên tập lái xe” lái xe tập lái hoặc có phù hiệu nhưng không đeo khi lái xe tập lái;

b) Giáo viên dạy thực hành chờ người, hàng trên xe tập lái trái quy định;

c) Giáo viên dạy thực hành chạy không đúng tuyến đường trong giấy phép xe tập lái; không ngồi bên cạnh để bảo trợ tay lái cho học viên thực hành lái xe (kể cả trong sân tập lái và ngoài đường giao thông công cộng);

d) Không đeo phù hiệu “Giáo viên dạy lái xe” khi giảng dạy;

đ) Không có giáo án của môn học được phân công giảng dạy theo quy định hoặc có giáo án nhưng không phù hợp với môn được phân công giảng dạy;

e) Giáo viên dạy thực hành không mang theo giấy phép xe tập lái hoặc mang theo giấy phép xe tập lái đã hết giá trị sử dụng.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo lái xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng xe tập lái không có mui che mưa, nắng; không có ghế ngồi gắn chắc chắn trên thùng xe cho người học theo quy định;

b) Không thực hiện việc ký hợp đồng đào tạo, thanh lý hợp đồng đào tạo với người học lái xe theo quy định; có ký hợp đồng đào tạo, thanh lý hợp đồng đào tạo nhưng không do người học lái xe trực tiếp ký;

c) Không công khai quy chế tuyển sinh, quản lý đào tạo và mức thu học phí theo quy định;

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cơ sở đào tạo lái xe không bố trí giáo viên dạy thực hành ngồi bên cạnh để bảo trợ tay lái cho học viên thực hành lái xe; bố trí giáo viên không đủ tiêu chuẩn để giảng dạy;

b) Cơ sở đào tạo lái xe sử dụng xe tập lái không có giấy phép xe tập lái hoặc có nhưng hết hạn, không gắn biển xe “Tập lái” trên xe theo quy định, không ghi tên cơ sở đào tạo, số điện thoại ở mặt ngoài hai bên cánh cửa hoặc hai bên thành xe theo quy định;

c) Cơ sở đào tạo lái xe sử dụng xe tập lái không trang bị thêm bộ phận hãm phụ hoặc có nhưng không có tác dụng;

d) Cơ sở đào tạo lái xe tuyển sinh học viên không đủ điều kiện trình độ văn hóa, thời gian lái xe an toàn tương ứng với từng hạng đào tạo; tuyển sinh học viên không đủ hồ sơ theo quy định;

đ) Cơ sở đào tạo lái xe không có đủ số lượng giáo viên dạy thực hành lái xe các hạng để đáp ứng với kế hoạch sử dụng các xe tập lái dùng để đào tạo;

e) Cơ sở đào tạo lái xe không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ theo quy định của 01 khóa đào tạo;

g) Trung tâm sát hạch lái xe không duy trì đủ các điều kiện quy định trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều này;

h) Trung tâm sát hạch lái xe không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ theo quy định của 01 kỳ sát hạch lái xe;

i) Cá nhân sử dụng các giấy tờ, tài liệu không đúng sự thật để được học, kiểm tra, sát hạch cấp mới, cấp lại giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

k) Người dự sát hạch mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết, mô phỏng các tình huống giao thông, lên xe sát hạch hoặc có hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức tuyển sinh, đào tạo vượt quá lưu lượng quy định trong giấy phép đào tạo lái xe;

b) Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức đào tạo lái xe ngoài địa điểm được ghi trong giấy phép đào tạo lái xe;

c) Cơ sở đào tạo lái xe không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ theo quy định của 02 khóa đào tạo trở lên;

d) Cơ sở đào tạo lái xe bố trí học viên tập lái trên xe tập lái vượt quá số lượng quy định;

đ) Cơ sở đào tạo lái xe không có đủ hệ thống phòng học; phòng học không đủ trang thiết bị, mô hình học cụ;

e) Cơ sở đào tạo lái xe không có đủ sân tập lái hoặc sân tập lái không đủ điều kiện theo quy định;

g) Cơ sở đào tạo lái xe không có đủ số lượng xe tập lái các hạng để đáp ứng với lưu lượng đào tạo thực tế tại các thời điểm hoặc sử dụng xe tập lái không đúng hạng để dạy thực hành lái xe;

h) Cơ sở đào tạo lái xe không có đủ thiết bị giám sát thời gian học lý thuyết, thời gian, quãng đường học thực hành lái xe của học viên hoặc có các thiết bị đó nhưng không hoạt động theo quy định;

i) Trung tâm sát hạch lái xe không có hệ thống âm thanh thông báo công khai lỗi vi phạm của thí sinh sát hạch lái xe trong hình theo quy định hoặc có hệ thống âm thanh thông báo nhưng không hoạt động theo quy định trong quá trình sát hạch lái xe trong hình;

k) Trung tâm sát hạch lái xe không có đủ màn hình để công khai hình ảnh giám sát phòng sát hạch lý thuyết, mô phỏng các tình huống giao thông, kết quả sát hạch lái xe theo quy định hoặc có đủ màn hình nhưng không hoạt động theo quy định trong quá trình sát hạch.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cơ sở đào tạo lái xe tổ chức tuyển sinh, đào tạo không đúng hạng giấy phép lái xe được phép đào tạo;

b) Cơ sở đào tạo lái xe đào tạo không đúng nội dung, chương trình, giáo trình theo quy định;

c) Cơ sở đào tạo lái xe xét hoàn thành khoá đào tạo hoặc cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc cấp chứng chỉ đào tạo cho học viên sai quy định;

d) Cơ sở đào tạo lái xe sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác để can thiệp vào quá trình hoạt động làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát thời gian học lý thuyết, thời gian, quãng đường học thực hành lái xe;

d) Trung tâm sát hạch lái xe không lắp đủ camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, mô phỏng các tình huống giao thông, sân sát hạch theo quy định hoặc có lắp camera giám sát nhưng không hoạt động theo quy định;

e) Trung tâm sát hạch lái xe có trên 50% số xe sát hạch lái xe trong hình được cấp phép không bảo đảm điều kiện để sát hạch theo quy định;

g) Trung tâm sát hạch lái xe có trên 50% số xe sát hạch lái xe trên đường được cấp phép không bảo đảm điều kiện để sát hạch theo quy định;

h) Trung tâm sát hạch lái xe có trên 50% số máy tính sát hạch lý thuyết được cấp phép không bảo đảm điều kiện để sát hạch theo quy định;

i) Trung tâm sát hạch lái xe tự ý di chuyển vị trí các phòng chức năng; thay đổi hình các bài sát hạch mà chưa được chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

k) Trung tâm sát hạch lái xe không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ hồ sơ theo quy định của 02 kỳ sát hạch lái xe trở lên.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi tổ chức tuyển sinh, đào tạo lái xe mà không có giấy phép đào tạo lái xe.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trung tâm sát hạch lái xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tự ý thay đổi hoặc sử dụng phần mềm sát hạch, thiết bị chấm điểm, xe sát hạch khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Sử dụng máy tính trong phòng sát hạch lý thuyết kết nối với đường truyền ra ngoài phòng thi trái quy định;

c) Cố tình để phương tiện, trang thiết bị chấm điểm hoạt động không chính xác trong kỳ sát hạch; để các dấu hiệu, ký hiệu trái quy định trên sân sát hạch, xe sát hạch trong kỳ sát hạch.

8. Giáo viên dạy thực hành để học viên thực hành lái xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 của Nghị định này, bị xử phạt theo quy định đối với hành vi vi phạm đó.

9. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Cơ sở đào tạo lái xe thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 3; điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 4 Điều này bị đình chỉ tuyển sinh từ 01 tháng đến 03 tháng;

b) Cơ sở đào tạo lái xe thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 4; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 5 Điều này bị đình chỉ tuyển sinh từ 02 tháng đến 04 tháng;

c) Trung tâm sát hạch lái xe thực hiện hành vi quy định tại điểm h khoản 3; điểm i, điểm k khoản 4; điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i khoản 5 Điều này bị tước quyền sử dụng giấy phép sát hạch từ 01 tháng đến 03 tháng;

d) Trung tâm sát hạch lái xe thực hiện hành vi quy định tại điểm k khoản 5, khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng giấy phép sát hạch từ 02 tháng đến 04 tháng.

10. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 3 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thu hồi giấy tờ, tài liệu giả mạo.

Điều 40. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về hoạt động đăng kiểm xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới

1. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tuân thủ đúng quy định tại các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan trong chứng nhận, kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới;

b) Không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được phân công trong chứng nhận, kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới;

c) Đưa ra các yêu cầu trái quy định về trình tự, thủ tục đăng kiểm đối với cá nhân, tổ chức.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cơ sở đăng kiểm thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không duy trì việc bảo đảm về điều kiện, yêu cầu theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới;

b) Có từ 02 lượt đăng kiểm viên trở lên bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 12 tháng tính từ lần vi phạm đầu tiên;

c) Phân công người không đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ của đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ;

d) Cấp chứng nhận cải tạo cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng không đúng quy định;

đ) Thực hiện kiểm định đối với phương tiện thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định theo quy định;

e) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu kiểm định, cải tạo xe không đúng quy định;

g) Không thực hiện việc cập nhật hồ sơ phương tiện cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cơ sở thử nghiệm, chứng nhận xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện niêm yết công khai các trình tự, thủ tục thử nghiệm, chứng nhận theo quy định;

b) Thực hiện việc thử nghiệm, chứng nhận không đúng quy định;

c) Phân công người không đủ điều kiện thực hiện việc thử nghiệm, chứng nhận;

d) Sử dụng thiết bị, dụng cụ không đảm bảo theo quy định của pháp luật về đo lường để kiểm tra, thử nghiệm;

đ) Có từ 02 lượt đăng kiểm viên trở lên bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 12 tháng tính từ lần bị xử phạt đầu tiên;

e) Lưu trữ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu chứng nhận không đúng quy định.

4. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở đăng kiểm thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy không đúng quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

b) Đưa ra các yêu cầu trái quy định về trình tự, thủ tục đăng kiểm đối với cá nhân, tổ chức;

c) Từ chối cung cấp dịch vụ kiểm định không đúng quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở sản xuất, lắp ráp, cơ sở nhập khẩu, cơ sở bảo hành, bảo dưỡng hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng, cung cấp hồ sơ, tài liệu giả để thực hiện việc kiểm tra, chứng nhận, thử nghiệm nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Sử dụng thiết bị, dụng cụ không đảm bảo theo quy định của pháp luật về đo lường để kiểm tra chất lượng xuất xưởng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới.

6. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này bị tước quyền sử dụng chứng chỉ đăng kiểm viên từ 01 tháng đến 03 tháng;

b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm g khoản 2; khoản 4 Điều này bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới từ 01 tháng đến 03 tháng.

Chương III **THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT, TRỪ ĐIỂM,** **PHỤC HỒI ĐIỂM GIẤY PHÉP LÁI XE**

Mục 1 **THẨM QUYỀN XỬ PHẠT**

Điều 41. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình.

2. Cảnh sát giao thông trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này như sau:

a) Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36;

b) Khoản 1, điểm a khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 37;

c) Điều 38;

d) Điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 1; điểm a khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c khoản 3; điểm d khoản 4; khoản 8 Điều 39.

3. Cảnh sát trật tự, Cảnh sát phản ứng nhanh, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có liên quan đến trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này như sau:

a) Điểm c, điểm đ khoản 1; điểm d, điểm đ khoản 2; điểm b, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm o khoản 3; điểm b, điểm c, điểm đ, điểm i, điểm k khoản 4; điểm i, điểm k khoản 5; điểm b, điểm c, điểm d khoản 6; khoản 9; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 11; khoản 12 Điều 6;

b) Điểm e, điểm g, điểm i, điểm k khoản 1; điểm a, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k khoản 2; điểm b, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g,

điểm k khoản 3; điểm b, điểm d, điểm đ khoản 4; điểm b, điểm c khoản 5; điểm a, điểm b, điểm c khoản 6; điểm a, điểm c, điểm d khoản 7; điểm b khoản 8; điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k khoản 9; khoản 11 Điều 7;

c) Khoản 2; điểm b, điểm c, điểm đ khoản 3; điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 4; điểm a, điểm b, điểm c khoản 5; điểm c, điểm d, điểm g khoản 6; khoản 7; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 9 Điều 8;

d) Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 9;

đ) Khoản 1; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 10;

e) Khoản 1, khoản 2 Điều 11;

g) Khoản 1; khoản 2; khoản 3; khoản 5; điểm c, điểm d khoản 6; khoản 7; khoản 9; khoản 10; điểm a, điểm c khoản 11; khoản 12; khoản 14 Điều 12;

h) Điều 15, Điều 17;

i) Điểm b khoản 3; điểm a, điểm c, điểm d, điểm g khoản 5; điểm a, điểm b, điểm c khoản 6 Điều 20;

k) Khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 23;

l) Điều 24; Điều 25;

m) Khoản 1, khoản 3 Điều 28;

n) Điều 31; Điều 33; Điều 35; Điều 36.

4. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có liên quan đến trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này như sau:

a) Điểm đ khoản 1; điểm d, điểm đ khoản 2; điểm b, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 3 Điều 6;

b) Điểm d, điểm e, điểm g, điểm i khoản 1; điểm a, điểm d, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k khoản 2; điểm b, điểm c, điểm e, điểm g, điểm k khoản 3; điểm b, điểm d, điểm đ khoản 4 Điều 7;

c) Khoản 2; điểm b, điểm c khoản 3; điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 4 Điều 8;

d) Điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm m, điểm n, điểm o khoản 1; khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c khoản 3; điểm d, điểm đ khoản 4 Điều 9;

đ) Khoản 1; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 10;

- e) Khoản 1, khoản 2 Điều 11;
- g) Khoản 1; khoản 2; khoản 3; khoản 5; điểm c, điểm d khoản 6 Điều 12;
- h) Điều 15;
- i) Khoản 1 Điều 17;
- k) Điểm b khoản 3 Điều 20;
- l) Khoản 1, khoản 2 Điều 33;
- m) Khoản 1 Điều 35.

5. Thanh tra đường bộ, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đường bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có thẩm quyền xử phạt tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này như sau:

a) Khoản 1; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 2; khoản 3; khoản 4; khoản 5; điểm a khoản 6; điểm a, điểm d, điểm g, điểm h khoản 7; điểm a, điểm b khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 2; điểm i, điểm l khoản 7; điểm b khoản 8; điểm a khoản 9; điểm c khoản 16; điểm a, điểm b khoản 17 Điều 32 khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra tại đơn vị vận tải, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, đơn vị thực hiện dịch vụ hỗ trợ vận tải;

b) Điều 39, Điều 40.

Điều 42. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, điểm b khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 (trừ điểm c khoản 3 Điều 3) của Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 43. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh bao gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 (trừ điểm c, điểm d khoản 3 Điều 3) của Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 (trừ điểm c khoản 3 Điều 3) của Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 (trừ điểm c khoản 3 Điều 3) của Nghị định này.

Điều 44. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 75.000.000 đồng;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trong trường hợp không thành lập Thanh tra Sở Giao thông vận tải) có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 52.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 105.000.000 đồng;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 45. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh quy định tại Điều 42, Điều 43 và Điều 44 của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân.

3. Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 20; khoản 5, khoản 6 Điều 32 của Nghị định này, việc xác định mức tối thiểu và mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm được căn cứ vào mức tối thiểu và mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với mỗi người vượt quá quy định nhân với số người thực tế vượt quá quy định được phép chở của phương tiện.

Điều 46. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ

1. Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ được quy định tại Điều 42, Điều 43 và Điều 44 của Nghị định này.

2. Công chức thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải đang thi hành công vụ, nhiệm vụ có thẩm quyền lập biên bản đối với các hành vi vi phạm xảy ra trong phạm vi địa bàn quản lý của Thanh tra Sở Giao thông vận tải.

**Mục 2
THỦ TỤC XỬ PHẠT**

Điều 47. Thủ tục xử phạt, nguyên tắc xử phạt đối với chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vi phạm quy định liên quan đến trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ

1. Trong trường hợp chủ phương tiện vi phạm có mặt tại nơi xảy ra vi phạm thì người có thẩm quyền căn cứ vào hành vi vi phạm để lập biên bản vi phạm hành chính và tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp chủ phương tiện vi phạm không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm thì người có thẩm quyền căn cứ vào hành vi vi phạm để lập biên bản vi phạm hành chính đối với chủ phương tiện và tiến hành xử phạt theo quy định của

pháp luật, người điều khiển phương tiện phải ký vào biên bản vi phạm hành chính với tư cách là người chứng kiến.

3. Đối với những hành vi vi phạm mà cùng được quy định tại các điều khác nhau của Chương II của Nghị định này, trong trường hợp đối tượng vi phạm trùng nhau thì xử phạt như sau:

a) Các hành vi vi phạm quy định về biển số, chứng nhận đăng ký xe, chứng nhận đăng ký xe tạm thời quy định tại Điều 13 (điểm a khoản 4; điểm a khoản 6; điểm a, điểm b khoản 7; điểm a khoản 8), Điều 14 (điểm a, điểm b, điểm c khoản 2; điểm a khoản 3), Điều 16 (điểm a khoản 1; điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 32 (điểm đ, điểm e, điểm h khoản 8; điểm đ khoản 9; điểm a, điểm b khoản 12; điểm d khoản 13), trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại các điểm, khoản tương ứng của Điều 32 của Nghị định này;

b) Các hành vi vi phạm quy định về giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe quy định tại Điều 13 (điểm a khoản 5; điểm a, điểm b khoản 6), Điều 16 (điểm đ khoản 1; điểm b, điểm đ khoản 2) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 32 (điểm b, điểm đ khoản 9; điểm a khoản 11), trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại các điểm, khoản tương ứng của Điều 32 của Nghị định này;

c) Các hành vi vi phạm quy định về thời gian lái xe, thời gian nghỉ giữa hai lần lái xe liên tục của người lái xe, phù hiệu quy định tại Điều 20 (điểm d khoản 6, khoản 7), Điều 21 (điểm b khoản 5, điểm c khoản 6) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 32 (điểm d khoản 9, điểm đ khoản 11), trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại các điểm, khoản tương ứng của Điều 32 của Nghị định này;

d) Các hành vi vi phạm quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện quy định tại Điều 13 (điểm a khoản 9) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 32 (điểm c khoản 17), trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 32 của Nghị định này;

đ) Các hành vi vi phạm quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện quy định tại Điều 13 (điểm c khoản 5) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 26 (điểm i khoản 7), trong trường hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại điểm i khoản 7 Điều 26 của Nghị định này;

e) Các hành vi vi phạm quy định về kích thước thùng xe, khoang chở hành lý (hầm xe), lắp thêm hoặc tháo bớt ghế, giường nằm trên xe ô tô quy định tại Điều 13 (điểm d khoản 3, điểm b khoản 4) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 32 (điểm d khoản 11, điểm h khoản 14), trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại các điểm, khoản tương ứng của Điều 32 của Nghị định này;

g) Các hành vi vi phạm quy định về lắp, sử dụng thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe trên xe ô tô quy định tại Điều 20 (điểm 1 khoản 5, điểm đ khoản 6), Điều 21 (điểm b khoản 3, điểm c khoản 5), Điều 27 (điểm c khoản 1, điểm a khoản 3) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 26 (điểm c, điểm g khoản 7), trong trường hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại các điểm, khoản tương ứng của Điều 26 của Nghị định này;

h) Các hành vi vi phạm quy định về lắp, sử dụng thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe trên xe ô tô quy định tại Điều 29 (khoản 1, khoản 3), Điều 30 (khoản 1, khoản 2) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 32 (điểm m, điểm n khoản 7), trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại các điểm, khoản tương ứng của Điều 32 của Nghị định này;

i) Các hành vi vi phạm quy định về dây đai an toàn, hướng dẫn cho hành khách về an toàn giao thông, thoát hiểm khi xảy ra sự cố trên xe quy định tại Điều 20 (điểm h, điểm i khoản 3) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 26 (điểm c khoản 2, điểm đ khoản 4) trong trường hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại các điểm, khoản tương ứng của Điều 26 của Nghị định này;

k) Các hành vi vi phạm quy định về đón, trả khách; nhận, trả hàng quy định tại Điều 20 (khoản 8), Điều 21 (khoản 9) và các hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 26 (điểm c khoản 8), trong trường hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 26 của Nghị định này;

l) Các hành vi vi phạm quy định về dụng cụ, thiết bị chuyên dùng để cứu hộ, hỗ trợ cứu hộ giao thông đường bộ quy định tại Điều 29 (khoản 2) và hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 32 (điểm o khoản 7), trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện thì bị xử phạt theo quy định tại điểm o khoản 7 Điều 32 của Nghị định này;

m) Các hành vi vi phạm quy định về thiết bị ghi nhận hình ảnh trẻ em mầm non, học sinh và thiết bị có chức năng cảnh báo, chống bỏ quên trẻ em trên xe quy định tại Điều 27 (điểm b khoản 3) và hành vi vi phạm tương ứng quy định tại Điều 26 (điểm b khoản 6), trong trường hợp cá nhân kinh doanh vận tải là người trực